

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4300 – Số hiệu lớp: 3700
Giảng viên: Nguyễn Hương Anh
Ngày thi: 22/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 044 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500609	LÊ THỊ THÚY	AN	02/04/07	MC25111			
2	22502472	NGUYỄN AN	AN	23/09/07	MC25111			
3	22501048	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	18/06/07	MC25111			
4	22000858	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	17/06/01	MK20111			
5	22503300	PHAN VÂN	ANH	13/06/07	NT25111			
6	22502445	NGUYỄN THÀNH	DANH	21/12/07	NT25111			
7	22503487	PHAN GIA KHÁNH	ĐAN	18/05/07	NT25111			
8	22501757	NGUYỄN TRẦN TÂM	ĐOAN	25/09/07	MC25111			
9	22502695	HÀ TRIỆU	ĐỨC	27/06/07	MC25111			
10	2184680	BIỆN MINH	HOÀNG	12/10/00	QL1811			
11	22115030	TRẦN HUY	HOÀNG	10/01/03	TN21111			
12	22501525	TRẦN HOÀNG	HUY	18/10/07	NT25111			
13	22503080	PHẠM LÊ NGỌC	HƯƠNG	01/11/07	MC25111			
14	22503061	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	11/09/07	MC25111			
15	22502871	NGUYỄN TRUNG	KIẾN	14/01/07	NT25111			
16	22503335	NGUYỄN THỤY KHÁNH	LINH	26/02/07	MC25111			
17	22502645	NGUYỄN THỊ	MIN	07/08/07	MC25111			
18	22500691	NGUYỄN NGỌC GIA	NGÂN	22/04/07	NT25111			
19	22502101	LÊ BẢO	NGỌC	08/05/06	MC25111			
20	22500914	LÊ NỮ Ý	NHI	09/10/07	NT25111			
21	22003957	TRẦN VĨNH	PHÁT	28/10/02	DK20111			
22	22503019	BÙI THỨC KHÁNH	PHƯƠNG	10/08/07	MC25111			
23	2195123	NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	31/05/01	TV19112			Cấm thi
24	22011755	PHẠM MINH	THÀNH	20/08/02	NT20111			
25	22011960	NGUYỄN LÊ QUANG	THẮNG	24/07/02	DK20111			
26	22503297	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	07/12/07	MC25111			Cấm thi
27	22503160	NGUYỄN TRẦN BÍCH	TUYỀN	04/12/07	MC25111			
28	22501603	NGUYỄN THANH	TÚ	05/01/07	MC25111			
29	22500056	LẦU MÍ	VÀ	25/03/05	NT25111			
30	22502214	TRẦN TUỜNG	VỸ	24/01/07	NT25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 0200 – Số hiệu lớp: 3455
Giảng viên: Nguyễn Chí Thành
Ngày thi: 22/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 116 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22011870	TRẦN GIA	BẢO	12/07/02	TT20111			
2	22112581	VĂN VIỆT ĐÌNH	BẢO	24/01/03	MK21111			
3	2191329	ÂU CHÍ	BÂN	23/06/01	CP19111			
4	22502278	NGUYỄN CÔNG	DANH	18/12/07	QL25111			
5	22001053	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	07/01/02	TV20111			
6	22300006	LƯU THẾ	ĐĂNG	23/05/04	TL23111			
7	22010851	TRẦN THỊ THANH	HẢO	14/12/02	TT20111			
8	22501658	ÔN GIA	HÂN	01/02/07	QL25111			
9	22500066	LÊ ĐOÀN MINH	KHANG	05/10/01	NH25111			
10	22104726	ĐOÀN DIỆU	LINH	04/10/03	PB21111			
11	2196848	TRẦN	LONG	13/06/01	TV19111			
12	2196846	TRẦN TUẤN	LONG	22/04/01	KS19111			Cấm thi
13	22207100	CHẾ CÔNG	LỢI	19/10/04	BL22111			
14	22503687	ĐOÀN THIÊN KIM	NGÂN	08/11/07	PM25111			
15	2182105	NGUYỄN THỊ HOÀNG	PHƯỢNG	31/05/00	NT1811			
16	22502584	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	12/06/07	QL25111			
17	22503820	NGUYỄN THUẬN	TIẾN	05/08/07	PM25111			
18	22502354	LA VĂN	TOÀN	09/11/07	QL25111			
19	22500192	NGUYỄN NGỌC	TUẤN	09/10/04	TV251			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4100 – Số hiệu lớp: 3698
Giảng viên:
Ngày thi: 22/12/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22500708	VÕ NGỌC VÀNG	ANH	04/06/07	NH25111			
2	22501012	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	DUY	06/08/07	NL25111			
3	22503396	NGUYỄN THỊ KIỀU	DUYÊN	04/06/07	TL25111			
4	22503007	PHẠM VƯƠNG KIM	HOÀNG	09/10/07	NH25111			
5	22501159	NGUYỄN LÊ ANH	KHOA	31/07/07	BL25111			
6	22501363	HÀ SƠN	LÂM	30/08/02	FT25111			Cấm thi
7	22500649	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/11/07	TL25111			
8	22502660	NGUYỄN THÙY PHƯƠNG	LINH	11/08/07	MK25111			
9	22502226	NGUYỄN ĐỨC NHẬT	MINH	19/10/07	NH25111			
10	22503293	NGUYỄN PHÚC QUANG	MINH	13/06/07	TL25111			
11	2192369	PHẠM HOÀNG CHIỀU	MINH	13/09/01	KS19111			
12	22503459	SY NI	NA	26/09/07	TL25111			
13	22503191	LÊ HOÀNG HỒNG	NGỌC	20/01/07	TL25111			
14	22503257	TẶNG TRẦN NHƯ	NGỌC	07/07/07	TL25111			
15	22502396	NGUYỄN MINH	NHẬT	30/08/07	KT25111			
16	22501656	NGUYỄN LÝ UYÊN	NHI	05/06/07	TL25111			
17	22501003	BÙI DUY	PHONG	13/07/07	MK25111			
18	22502085	PHẠM KHÁNH	PHƯƠNG	17/03/07	TL25111			
19	22500034	NGUYỄN NHẬT	QUANG	21/07/06	DK25111			
20	22501098	ĐỖ TRẦN VÂN	SAN	03/08/07	MK25111			
21	22503653	HÀ TIẾN	THÀNH	05/01/03	MK25111			
22	22503334	PHẠM NGUYỄN	THỊNH	21/01/07	NL25111			
23	22502442	BÙI MINH	THUẬN	11/10/07	BL25111			
24	22503018	TRẦN BẢO	THY	10/09/07	MK25111			
25	2183317	VÕ TRINH THỦY	TIẾN	07/07/00	NT1811			
26	22503202	NGUYỄN THỊ ĐOAN	TRINH	26/06/04	TL25111			
27	2198265	NGUYỄN TRẦN MINH	TRUNG	05/04/01	TV19111			Cấm thi
28	22500496	NGUYỄN NGỌC	TÚ	17/10/07	FT25111			
29	22500545	TỔ QUANG	VINH	14/05/07	TL25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 0300 – Số hiệu lớp: 3456
Giảng viên: Nguyễn Hường Anh
Ngày thi: 22/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206773	ĐỖ TRẦN ĐIẾP	ANH	14/05/04	NT22111			
2	22501556	NGUYỄN NGỌC	ANH	09/06/07	TV251			Cấm thi
3	22500075	NGUYỄN QUỐC	BẢO	21/06/02	TV251			
4	22503152	TRẦN LÊ KIM	CHÂU	26/10/05	TV251			
5	22500515	TÔ TRẦN NHÃ	DUY	09/10/07	TV251			
6	22500204	NGUYỄN HẢI	ĐAN	03/01/04	NH25111			
7	22011218	ĐINH VIỆT THÀNH	ĐẠT	24/10/02	TV20111			
8	22122535	HUYỀN NGỌC	HÂN	05/04/03	EM21111			
9	22503349	NGUYỄN HUỲNH BẢO	HÂN	29/11/07	DL25111			
10	22500844	PHẠM HUỲNH KHÁNH	HÂN	17/12/07	TV251			
11	2190570	CAO CHIÊU	KHÁNH	03/12/96	DT19111			
12	22400350	LÊ VŨ ANH	KHÔI	08/09/03	DM24111			
13	22501217	ĐẶNG ANH	MINH	01/11/02	LG25111			Cấm thi
14	22502261	ĐẶNG BÌNH	MINH	26/07/07	TV251			
15	22503276	LÊ TIẾN HOÀNG	NAM	21/12/01	DK25111			
16	22014747	PHẠM THỊ THANH	NGÂN	28/03/02	TT20111			
17	2190830	NGUYỄN VŨ AN	NGUYỄN	03/12/00	DT19111			
18	22011964	HỒ THỊ UYÊN	NHI	02/04/02	TV20111			
19	22500788	HÀ TÚ	PHƯƠNG	18/05/07	DL25111			
20	2182956	LÝ QUYÊN	QUYÊN	16/07/00	NL1811			
21	22012100	LÊ NHƯ	QUYNH	23/03/02	NL20111			
22	22503450	TẠ TRỊNH HIẾU	THẢO	07/04/07	TC25111			
23	22501010	LÊ ANH	THY	15/11/07	PR25111			
24	22501927	TRẦN HOÀNG THỦY	TIẾN	15/07/07	PR25111			
25	22500711	TỬ THANH	TOÀN	01/08/07	DL25111			
26	22000195	NGUYỄN THỊ HOÀI	TRANG	24/05/02	TT20111			
27	2195176	THÁI THỊ MAI	TRINH	07/03/01	TK19121			Cấm thi
28	22000787	NGUYỄN THANH	TRÚC	18/05/02	TV20111			
29	22500364	LÝ THANH	VÂN	16/06/05	NH25111			
30	22500832	LƯU THÁI	VINH	19/02/07	TV251			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4000 – Số hiệu lớp: 3697
Giảng viên: Vũ Thị Hoàng Yến
Ngày thi: 23/12/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 008 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22503609	LẠI KHÁNH	AN	28/08/07	NT25111			
2	22503042	NGUYỄN LÊ THUỖ	AN	16/09/01	TT25111			
3	22502687	CHU NỮ PHƯƠNG	ANH	04/06/07	DM25111			
4	22502927	NGUYỄN KHÁNH MINH	ANH	19/02/07	LG25111			
5	22502306	PHAN QUỐC	ANH	22/05/06	LW25111			
6	22500767	PHẠM QUANG	ANH	10/04/07	LG25111			
7	22500948	THÁI NGUYỄN TRÚC	ANH	02/09/07	KS25111			
8	22011426	HOÀNG VĂN	HIẾU	15/03/02	TT20111			
9	22501345	TRẦN THỊ KIM	HƯƠNG	29/01/07	EC25111			
10	22503384	NGUYỄN LÊ GIA	HY	23/10/07	LG25111			
11	22502468	LÂM MINH	KHÔI	15/10/07	DM25111			
12	22503170	THÁI KIM	LÂM	22/04/06	EC25111			
13	22501088	NGUYỄN VÂN	LONG	25/10/07	LG25111			
14	22110948	TRƯƠNG NHẬT	LONG	22/11/03	DM21111			Cấm thi
15	22009883	PHAN TẤN	LỘC	30/12/02	TC20111			
16	22503189	LÊ HOÀNG KIM	NGÂN	28/05/07	KS25111			
17	22503095	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	10/01/07	DM25111			
18	22503622	NGUYỄN LÊ BẢO	NHI	24/08/01	KS25111			Cấm thi
19	22502057	SẦU NGUYỄN TUYẾT	NHI	28/04/07	KS25111			
20	22502602	PHẠM QUỲNH	NY	03/04/07	LG25111			
21	22107629	CHUNG GIA	PHÁT	18/11/03	EC21111			
22	22500701	PHẠM NGUYỄN ĐỨC	PHÁT	11/07/07	LG25111			
23	22503101	CHÂU THIÊN	PHÚC	06/05/07	DM25111			
24	22501690	TRƯƠNG NGỌC KHÁNH	PHƯƠNG	27/06/07	EC25111			
25	22502620	TRẦN ANH	THỨ	19/01/07	EC25111			
26	22500678	NGUYỄN HOÀI	TÍN	27/04/07	LW25111			
27	22500667	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	02/10/06	LG25111			
28	22501510	BÙI LÂM GIA	TUỆ	16/12/07	LG25111			Cấm thi
29	22502390	NGUYỄN PHƯƠNG CẨM	TÚ	03/01/07	DM25111			
30	22501965	LÊ TRIỆU	VY	29/01/07	DM25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 1 (2025 - 2026)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE006DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4200 – Số hiệu lớp: 3699
Giảng viên: Đàm Tấn Thành
Ngày thi: 23/12/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 007 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22501659	HUỲNH GIA	AN	15/06/07	EM25111			
2	22501405	LÊ NGUYỄN MINH	ANH	13/12/07	DK25111			
3	22502599	NGUYỄN NGỌC	ANH	09/11/07	DA25111			
4	22500875	NGUYỄN HOÀNG TRUNG MỸ	ANH	05/06/07	EM25111			
5	22503017	VŨ LƯU PHI	ANH	06/12/07	DA25111			
6	22500622	HUỲNH HÀ HUY	HOÀNG	16/11/07	DA25111			
7	22503282	NGUYỄN CÔNG	HUÂN	27/08/07	DK25111			
8	22500806	HUỲNH BẢO	KHANG	24/11/06	DA25111			
9	22503309	NGUYỄN DUY	KHANG	24/09/07	EM25111			
10	22500673	PHẠM NGỌC	KHÁNH	15/03/07	TK251			
11	22503093	TRẦN NGÔ ĐĂNG	KHOA	17/01/07	DK25111			
12	22503615	LÝ DIỆU	KIỆT	28/08/05	TV251			
13	22502596	PHAN THỊ Ý	LINH	23/03/07	DK25111			
14	22503313	TRẦN THÁI THUY	LINH	11/08/07	DA25111			
15	22500530	NGUYỄN HỒ THIÊN	NGA	28/11/07	DK25111			
16	22500445	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG	NGHI	06/01/07	DK25111			
17	22500936	DƯƠNG GIA MINH	NGỌC	11/11/07	DK25111			
18	22501306	PHẠM PHƯƠNG	NGUYỄN	27/12/07	DA25111			
19	22502400	NGUYỄN ANH ĐỨC THIÊN	NHÂN	04/04/07	EM25111			
20	22501901	LÊ QUỲNH	NHƯ	14/10/07	DK25111			
21	22501406	QUÁCH THANH	TÂM	23/12/06	DA25111			
22	22501025	ĐỖ BÙI PHƯƠNG	THƯ	03/03/06	DK25111			
23	22502945	LÊ NGUYỄN MINH	THƯ	23/04/07	EM25111			
24	22500996	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	04/07/07	DK25111			
25	22503440	PHẠM NGỌC BẢO	THY	07/07/07	DA25111			
26	22502692	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	08/07/07	DA25111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)